

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/KDTM-ST
Ngày: 04-11-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Ông Võ Hoàng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2021/TLST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 482/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 409/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Ngân hàng V).

Địa chỉ: Trụ sở: 89 L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nguyễn Thế A - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (có mặt)

2/ Ông Nguyễn Hữu M - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 1458/2022/UQ-PGD ngày 12/4/2022).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chế biến nông hải sản C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương T, sinh năm 1957 - Giám đốc (vắng mặt)

Địa chỉ: B1/16A ấp N, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương T, sinh năm 1957.(vắng mặt)

Địa chỉ: 30 B, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày như sau:

Ngày 04/4/2019 Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chế biến nông hải sản C (gọi tắt là Công ty C) do ông Trương T làm đại diện theo pháp luật có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/BEN/19/0066/HĐHM với Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V). - Chi nhánh Bến Thành.

Số tiền cho vay được thể hiện qua các Khế ước nhận nợ như sau:

1/ Khế ước nhận nợ lần 1/Số SME/BEN/19/0066/HĐHM-01 ngày 04/4/2019: Số tiền cho vay: 2.270.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động công ty. Lãi suất vay: 11.1%/năm cố định trong 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần.

2/ Khế ước nhận nợ lần 6/Số SME/BEN/19/0066/HĐHM-06 ngày 23/5/2019: Số tiền cho vay: 1.100.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động công ty. Lãi suất vay: 11%/năm cố định trong 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần.

3/ Khế ước nhận nợ lần 7/Số SME/BEN/19/0066/HĐHM-07 ngày 29/5/2019: Số tiền cho vay: 882.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động công ty. Lãi suất vay: 11%/năm cố định trong 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần.

4/ Khế ước nhận nợ lần 9/Số SME/BEN/19/0066/HĐHM-09 ngày 04/6/2019: Số tiền cho vay: 1.785.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động công ty. Lãi suất vay: 11%/năm cố định trong 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Công ty C đã thế chấp các tài sản sau:

- Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty C mô tả trong Báo cáo hàng tồn kho do bên thế chấp cung cấp định kỳ 01 tháng hoặc ngay khi có yêu cầu đột xuất của Ngân hàng TMCP V tại địa chỉ kho chứa hàng: Kho Bình Chánh: B1/16A ấp 2, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và kho Sóc Trăng: Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 4 thuộc Ấp Càng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số SME/BEN/19/0066/HĐTC.HTK ngày 04/04/2019 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1322433352 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/04/2019.

- Toàn bộ các quyền đòi nợ đã/đang/sẽ hình thành thuộc sở hữu của Công ty C phát sinh từ tất cả các “Hợp đồng đầu ra” đã/đang/sẽ được ký giữa Công ty C và Bên mua/Bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty C theo Hợp đồng thế chấp Quyền đòi nợ số: SME/BEN/19/0066/HDTC.QDN ngày 04/04/2019 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1322435185 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/04/2019.

- Quyền tài sản của Công ty C phát sinh từ Hợp đồng thuê đất số 42 ngày 18/12/2015 được ký kết giữa Công ty C và Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đối với lô đất có địa chỉ tại: Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 4. Địa chỉ thửa đất: Ấp Càng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng có diện tích 7.489,6 m² theo Hợp đồng thế chấp Quyền phát sinh từ Hợp đồng thuê đất số: SME/BEN/19/0066/HDTCQTS ngày 04/04/2019 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1322514629 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/04/2019.

- Tài sản gắn liền với đất là Nhà máy chế biến bột cá thuộc quyền sở hữu của Công ty C tọa lạc tại thửa đất số: 3, tờ bản đồ số: 4, địa chỉ thửa đất: Ấp Càng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 329585, sổ vào sổ cấp GVN: CT01776 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/01/2018 theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: SME/BEN/18/0044/HDTC ngày 13/04/2018 số công chứng: 2063 tại Văn phòng công chứng Ba Xuyên và Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng ngày 13/04/2018.

- Thế chấp toàn bộ máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty C thông tin chi tiết như sau:

+ Bộ nồi hơi đốt thủ công 10.000 Kg/hr đốt than đá, củi cây, trấu ép theo Hợp đồng số 04/16/ HĐKT/CN;

+ Dây chuyền xử lý cá 150T (150T fishmeal production lines) theo Sale Contract số HT20160503;

+ Dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi theo Hợp đồng mua bán số 01/2017/HDMB;

+ Máy trộn theo Hợp đồng mua bán số 01/2017/HDMB;

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ kèm theo bảng kê bán hàng số 06/2017/BKBH ngày 23/5/2017.

Việc thế chấp và nhận thế chấp các tài sản trên được thực hiện đúng quy định của pháp luật theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số: SME/BEN/17/0172 ngày 28/09/2017, số công chứng: 020476 tại Văn phòng Công chứng Châu Á, chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1263378992 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/09/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số: SME/BEN/17/0172/HDTC/HDSDBS-01 ngày 12/04/2018, số công chứng: 008639 tại Văn phòng Công chứng Châu Á, Chứng nhận

đăng ký giao dịch bảo đảm số 2017814059 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/04/2018.

- Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Trương T theo các Hợp đồng bảo lãnh số SME/BEN/19/0066/HĐBL ngày 04/04/2019.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Phía ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty C để yêu cầu hoàn trả nợ vay. Tuy nhiên đến nay Công ty C vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên từ ngày 05/11/2019 toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến hết ngày 04/11/2022 Công ty C còn nợ các khoản như sau: Gốc quá hạn: 4.523.454.000 đồng. Lãi quá hạn: 2.759.413.722 đồng. Tổng cộng: 7.282.867.722 đồng (bảy tỷ hai trăm tám mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng).

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chế biến nông hải sản C phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh như trên tạm tính đến ngày 04/11/2022 là 7.282.867.722 đồng (bảy tỷ hai trăm tám mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày 05/11/2022, Công ty C còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng;

Trường hợp Công ty C không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ông Trương T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại bản tự khai ngày 13/10/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp về việc:

- Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty C mô tả trong Báo cáo hàng tồn kho do bên thế chấp cung cấp định kỳ 01 tháng hoặc ngay khi có yêu cầu đột xuất của Ngân hàng TMCP V tại địa chỉ kho chứa hàng: Kho Bình Chánh: B1/16A ấp 2, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và kho Sóc Trăng: Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 4 thuộc Ấp Cảng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số SME/BEN/19/0066/HDTCTC.HTK ngày 04/04/2019 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1322433352 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/04/2019.

- Toàn bộ các quyền đòi nợ đã/đang/sẽ hình thành thuộc sở hữu của Công ty C phát sinh từ tất cả các “Hợp đồng đầu ra” đã/đang/sẽ được ký giữa Công ty C và Bên mua/Bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty C theo Hợp đồng thế chấp Quyền đòi nợ số: SME/BEN/19/0066/HDTC.QDN ngày 04/04/2019 và Chúng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1322435185 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/04/2019.

Bị đơn là Công ty C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành quy định pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán các khoản nợ theo Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ; mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh; bị đơn có trụ sở tại xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng: Do Hợp đồng ký kết giữa các bên được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[3] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai Công ty C và ông Trương T theo quy định tại Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Công ty C và ông Trương T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là:

- Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty C mô tả trong Báo cáo hàng tồn kho do bên thế chấp cung cấp định kỳ 01 tháng hoặc ngay khi có yêu cầu đột xuất của Ngân hàng TMCP V tại địa chỉ kho chứa hàng: Kho Bình Chánh: B1/16A ấp 2, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và kho Sóc Trăng: Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 4 thuộc Ấp Cảng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số SME/BEN/19/0066/HDTC.HTK ngày 04/04/2019 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1322433352 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/04/2019.

- Toàn bộ các quyền đòi nợ đã/đang/sẽ hình thành thuộc sở hữu của Công ty C phát sinh từ tất cả các “Hợp đồng đầu ra” đã/đang/sẽ được ký giữa Công ty C và Bên mua/Bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty C theo Hợp đồng thế chấp Quyền đòi nợ số: SME/BEN/19/0066/HDTC.QDN ngày 04/04/2019 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1322435185 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/04/2019.

Xét, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của các đương sự:

Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty C phải thanh toán số tiền 7.282.867.722 đồng (bảy tỷ hai trăm tám mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng). Ngoài ra, Công ty C còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp Công ty C không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ông Trương T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[4.1] Về nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/BEN/19/0066/HĐHM ngày 04/4/2019 và Khế ước nhận nợ lần 1/Số SME/BEN/19/0066/HĐHM-01 ngày

04/4/2019; Khế ước nhận nợ lần 6/Số SME/BEN/19/0066/HĐHM-06 ngày 23/5/2019; Khế ước nhận nợ lần 7/Số SME/BEN/19/0066/HĐHM-07 ngày 29/5/2019; Khế ước nhận nợ lần 9/Số SME/BEN/19/0066/HĐHM-09 ngày 04/6/2019 thể hiện Công ty C có vay tiền của Ngân hàng TMCP V. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản. Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất vay: 11.1%/năm cố định trong 01 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần. (thời điểm tính thời hạn vay tính theo ngày được ghi trong từng khế ước nhận nợ).

Đây là các hợp đồng vay tài sản và các hợp đồng này thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù Ngân hàng đã liên hệ nhiều lần nhưng Công ty C vẫn không thanh toán nợ gốc, lãi phát sinh nên từ ngày 05/11/2019 toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ chứng cứ xác định Công ty C còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 4.523.454.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng về việc buộc bị đơn Công ty C phải thanh toán nợ gốc là phù hợp quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[4.2] Về nợ lãi: Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu Công ty C thanh toán tiền lãi quá hạn tính đến ngày 04/11/2022 là 2.759.413.722 đồng.

Tại Điều 3, Điều 7 Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/BEN/19/0066/HĐHM ngày 04/4/2019, Ngân hàng và Công ty C thỏa thuận về việc chuyển nợ quá hạn và tính lãi quá hạn. Căn cứ theo thỏa thuận này thì đã đến hạn trả nợ Công ty C không trả nên khoản nợ đã chuyển sang quá hạn.

Tại Hợp đồng cho vay và các Khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 11,1 %/năm tại thời điểm giải ngân, cố định 01 tháng sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tại Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: "*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng*", ngoài ra tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Vì Ngân hàng có chức năng hoạt động tín dụng nên lãi suất sẽ do thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng nên nguyên đơn căn cứ vào lãi suất thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ để tính lãi là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

Xét, do Công ty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bị đơn Công ty C trả tiền lãi tính đến ngày 04/11/2022 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ là 2.759.413.722 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra kể từ ngày 05/11/2022 Công ty C còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4.3] Về thời hạn thanh toán: Tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”* nên yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng buộc bị đơn Công ty C có nghĩa vụ trả tiền nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[4.4] Về xử lý tài sản thế chấp:

Tại Hợp đồng thế chấp quyền phát sinh từ Hợp đồng thuê đất số: SME/BEN/19/0066/HDTCQTS ngày 04/04/2019 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1322514629 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/04/2019.

Tại Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: SME/BEN/18/0044/HDTC ngày 13/04/2018 số công chứng: 2063 tại Văn phòng công chứng Ba Xuyên và Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng ngày 13/04/2018.

Tại Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số: SME/BEN/17/0172 ngày 28/09/2017, số công chứng: 020476 tại Văn phòng Công chứng Châu Á, chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1263378992 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/09/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số: SME/BEN/17/0172/HDTC/HDSDBS-01 ngày 12/04/2018, số công chứng: 008639 tại Văn phòng Công chứng Châu Á, chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 2017814059 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/04/2018.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 23/6/2022, tài sản thế chấp: Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 4. Địa chỉ thửa đất: Ấp Càng, Thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và tài sản gắn liền với đất là Nhà máy chế biến bột cá thuộc quyền sở hữu của Công ty C cùng toàn bộ máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty C theo Hợp đồng thế chấp vẫn còn hoạt động bình thường so với thời điểm thế chấp hiện trạng không thay đổi, vẫn giữ nguyên hiện trạng tại thời điểm thế chấp.

Tại Điều 299 Bộ luật Dân sự quy định:

“Điều 299. Các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm

1. Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

2. Bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận hoặc theo quy định của luật.

3. *Trường hợp khác do các bên thỏa thuận hoặc luật có quy định.*”

Tại Khoản 6 Điều 320 Bộ luật Dân sự quy định:

“Điều 320. Nghĩa vụ của bên thế chấp

6. *Giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 299 của Bộ luật này.*”

Xét, theo quy định trên thì khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng mà bên có nghĩa vụ không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên nhận thế chấp là Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi các tài sản thế chấp nếu đến hạn mà Công ty C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 299, Khoản 6 Điều 320 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.5] Về bảo lãnh:

Tại Điều 361 Bộ luật Dân sự quy định: *“Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.”*

Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số SME/BEN/19/0066/HĐBL ngày 04/04/2019 thể hiện việc cam kết thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với bên Ngân hàng một cách vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Trương T đối với toàn bộ khoản vay của Công ty C phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/BEN/19/0066/HĐHM ngày 04/4/2019, khi Công ty C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Từ những nhận định trên, yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Trương T trả đầy đủ số tiền gốc và lãi phát sinh thay cho Công ty C nếu đến thời hạn mà phía Công ty C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán, là phù hợp theo quy định tại Điều 336 Bộ luật Dân sự và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn Công ty C phải chịu là 115.282.868 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng số tiền 56.859.986 đồng (năm mươi sáu triệu tám trăm năm mươi chín nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0081354 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244; Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117; 299; 317, 318, 319, 320, 336, 361, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng:

1.1 Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chế biến nông hải sản C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền là 7.282.867.722 đồng (bảy tỷ hai trăm tám mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng) bao gồm:

Gốc quá hạn: 4.523.454.000 đồng

Lãi quá hạn: 2.759.413.722 đồng

Kể từ ngày 05/11/2022, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chế biến nông hải sản C còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận tương ứng với Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/BEN/19/0066/HĐHM ngày 04/4/2019 và Khế ước nhận nợ lần 1/Số SME/BEN/19/0066/HĐHM-01 ngày 04/4/2019; Khế ước nhận nợ lần 6/Số SME/BEN/19/0066/HĐHM-06 ngày 23/5/2019; Khế ước nhận nợ lần 7/Số SME/BEN/19/0066/HĐHM-07 ngày 29/5/2019; Khế ước nhận nợ lần 9/Số SME/BEN/19/0066/HĐHM-09 ngày 04/6/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất tiếp tục thanh toán sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Sau khi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chế biến nông hải sản C trả hết số nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải giải chấp tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

1.2 Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chế biến nông hải sản C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ cho Ngân hàng gồm:

- Quyền tài sản của Công ty C phát sinh từ Hợp đồng thuê đất số 42 ngày 18/12/2015 được ký kết giữa Công ty C và Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đối với lô đất có địa chỉ tại: Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 4. Địa chỉ thửa đất: Ấp Càng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng có diện tích 7.489,6 m² theo Hợp đồng thế chấp Quyền phát sinh từ Hợp đồng thuê đất số: SME/BEN/19/0066/HDTCQTS ngày 04/04/2019.

- Nhà máy chế biến bột cá thuộc quyền sở hữu của Công ty C tọa lạc tại thửa đất số: 3, tờ bản đồ số: 4, địa chỉ thửa đất: Ấp Càng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 329585, số vào sổ cấp GVN: CT01776 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/01/2018 theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: SME/BEN/18/0044/HDTC ngày 13/04/2018.

- Toàn bộ máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty C thông tin chi tiết như sau:

+ Bộ nồi hơi đốt thủ công 10.000 Kg/hr đốt than đá, củi cây, trấu ép theo Hợp đồng số 04/16/ HĐKT/CN;

+ Dây chuyền xử lý cá 150T (150T fishmeal production lines) theo Sale Contract số HT20160503;

+ Dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi theo Hợp đồng mua bán số 01/2017/HDMB;

+ Máy trộn theo Hợp đồng mua bán số 01/2017/HDMB;

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ kèm theo bảng kê bán hàng số 06/2017/BKBH ngày 23/5/2017.

1.3 Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ông Trương T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/BEN/19/0066/HĐBL đã ký ngày 04/04/2019.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc phát mãi tài sản thế chấp:

- Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty C mô tả trong Báo cáo hàng tồn kho do bên thế chấp cung cấp định kỳ 01 tháng hoặc ngay khi có yêu cầu đột xuất của Ngân hàng TMCP V tại địa chỉ kho chứa hàng: kho Bình Chánh: B1/16A ấp 2, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và kho Sóc Trăng: Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 4 thuộc Ấp Càng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số SME/BEN/19/0066/HDTC.HTK ngày 04/04/2019 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1322433352 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/04/2019.

- Toàn bộ các quyền đòi nợ đã/đang/sẽ hình thành thuộc sở hữu của Công ty C phát sinh từ tất cả các “Hợp đồng đầu ra” đã/đang/sẽ được ký giữa Công ty C và Bên

mua/Bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty C theo Hợp đồng thế chấp Quyền đòi nợ số: SME/BEN/19/0066/HDTC.QDN ngày 04/04/2019 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1322435185 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/04/2019.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chế biến nông hải sản C phải chịu là 115.282.868 đồng (một trăm mười lăm triệu hai trăm tám mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng số tiền 56.859.986 đồng (năm mươi sáu triệu tám trăm năm mươi chín nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0081354 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh.

4. Về chi phí tố tụng khác: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chế biến nông hải sản C phải hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS.HBC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Hoàng Sơn